

Số: /TB-STTTT

Sơn La, ngày tháng 10 năm 2021

THÔNG BÁO

Dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 3 và 4 được cung cấp bởi các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Sơn La (đến ngày 30/10/2021)

Căn cứ Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; Công văn số 2171/UBND-KGVX ngày 02/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai các quy định cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

1. Sở Thông tin và Truyền thông xác định và công bố:

a) Bổ sung các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tỉnh Sơn La (đến ngày 25/8/2021), như sau:

- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: **101** dịch vụ, trong đó:
- + Dịch vụ công trực tuyến cấp huyện: **101** dịch vụ

(Danh sách kèm theo)

b) Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tỉnh Sơn La đến thời điểm hiện tại: 969 dịch vụ, trong đó:

- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: **230** dịch vụ
- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: **739** dịch vụ

2. Đề nghị UBND huyện Yên Châu:

- Chỉ đạo các phòng ban, đơn vị liên quan đưa các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 nêu trên vào sử dụng trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan.

- Chính thức thông báo và tăng cường nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn để các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 do cơ quan, đơn vị đang trực tiếp quản lý.

- Khi có thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý tương ứng với dịch vụ công trực tuyến đang cung cấp đã được cấp có thẩm quyền sửa đổi hoặc bãi bỏ, thì đề nghị có công văn gửi Sở Thông tin và Truyền thông rà soát cập nhật thông tin hoặc đưa dịch vụ công trực tuyến tương ứng ra khỏi danh mục dịch vụ công trực tuyến tỉnh Sơn La.

- Tiếp tục bố trí nguồn lực, triển khai triển khai các dịch vụ công trực tuyến theo Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh .

3. Đề nghị Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh cập nhật danh mục dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 3 và 4 được cung cấp bởi các cơ quan thuộc, trực thuộc tỉnh Sơn La lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - VPUBND tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu VT, CNTT (37b).

**KT.GIÁM ĐỐC
HÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Quốc Chinh

PHỤ LỤC I: DANH SÁCH BỔ SUNG CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, 4 CỦA TỈNH SƠN LA
(Đến ngày 30/10/2021)

STT		Nhóm dịch vụ	Tên dịch vụ	Mức độ
A		DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN ĐƯỢC THỰC HIỆN TẠI CQNN CẤP HUYỆN		
I		Dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện Yên Châu		
1.	1	Công thương	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.	4
2.	2		Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.	4
3.	3		Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.	4
4.	4		Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.	4
5.	5		Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	4
6.	6		Cấp giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	4
7.	7		Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu	4
8.	8		Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG Chai	4
9.	9		Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai	4
10.	10		Xây dựng	Cấp mới giấy phép xây dựng: Nhà ở riêng lẻ tại đô thị.
11.	11	Điều chỉnh giấy phép xây dựng: Nhà ở riêng lẻ tại đô thị.		4
12.	12	Gia hạn giấy phép xây dựng: Nhà ở riêng lẻ tại đô thị.		4
13.	13	Cấp lại giấy phép xây dựng: Nhà ở riêng lẻ tại đô thị.		4
14.	14	Cấp mới giấy phép xây dựng công trình theo tuyến trong đô thị		4
15.	15	Cấp giấy phép xây dựng có thời hạn		4
16.	16	Cấp mới giấy phép xây dựng công trình không theo tuyến trong đô thị		4

17.	17	Giáo dục và Đào tạo	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	4
18.	18		Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	4
19.	19		Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	4
20.	20		Cho phép hoạt động giáo dục đối với nhà trường, nhà trẻ	4
21.	21		Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	4
22.	22		Hỗ trợ ăn trưa đối với học sinh mẫu giáo	4
23.	23		Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	4
24.	24		Cho phép hoạt động giáo dục đối với nhà trường, nhà trẻ	4
25.	25		Cho phép hoạt động giáo dục trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS	4
26.	26		Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, THCS ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.	4
27.	27		Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh THCS, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	4
28.	28		Hỗ trợ ăn trưa đối với học sinh mẫu giáo	4
29.	29	Lao động – Thương binh và Xã hội	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.	4
30.	30		Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	4
31.	31		Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	4
32.	32		Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia	4
33.	33		Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	4
34.	34		Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống pháp	4
35.	35		Thực hiện điều chỉnh thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	4

36.	36	Lao động – Thương binh và Xã hội	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện	4
37.	37		Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng BTEXH (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	4
38.	38		Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện	4
39.	39		Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	4
40.	40		Di chuyển hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội đến địa bàn tỉnh khác;	4
41.	41	Nội vụ	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị.	4
42.	42		Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	4
43.	43		Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	4
44.	44		Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về khen thưởng đối ngoại	4
45.	45		Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.	4
46.	46		Tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến;	4
47.	47		Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở;	4
48.	48		Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ;	4
49.	49		Thay đổi Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Quỹ.	4
50.	50		Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ Quỹ;	4
51.	51		Cho phép Quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động;	4
52.	52		Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Quỹ;	4
53.	53		Đổi tên Quỹ;	4
54.	54		Cấp đăng kí cho Hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong 1 huyện.	4
55.	55		Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	4
56.	56		Thi tuyển viên chức	4

57.	57	Nội vụ	Xét tuyển viên chức	4
58.	58		Tiếp nhận vào làm viên chức	4
59.	59		Thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	4
60.	60		Thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	4
61.	61		Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	4
62.	62		Thẩm định thành lập tổ chức hành chính	4
63.	63		Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	4
64.	64		Thẩm định giải thể tổ chức hành chính	4
65.	65	Tài nguyên và Môi trường	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	4
66.	66		Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ chồng	4
67.	67		Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan có thẩm quyền đối với hộ gia đình cá nhân	4
68.	68	Tài chính – Kế hoạch – Đầu tư	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	4
69.	69		Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh;	4
70.	70		Đăng ký tạm ngưng Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;	4
71.	71		Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;	4
72.	72		Đăng ký Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh;	4
73.	73		Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hộ cá thể	4
74.	74		Cấp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận ĐKKD Hộ cá thể	4
75.	75		Đăng ký và giấy chứng nhận kinh doanh của hợp tác xã	4

76.	76	Tài chính – Kế hoạch – Đầu tư	Đăng ký thay đổi, bổ sung kinh doanh của hợp tác xã	4
77.	77		Đăng ký hợp tác xã;	4
78.	78		Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã;	4
79.	79		Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (<i>Trường hợp lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính</i>).	4
80.	80		Châm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	4
81.	81		Đăng ký hợp tác xã đổi với hợp tác xã được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập.	4
82.	82		Giải thể tự nguyện hợp tác xã;	4
83.	83		Thay đổi Cơ quan đăng ký hợp tác xã.	4
84.	84	Tư pháp	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	4
85.	85		Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	4
86.	86		Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	4
87.	87		Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	4
88.	88		Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (<i>áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được</i>)	4
89.	89		Cấp bản sao từ sổ gốc;	4
90.	90		Cấp bản sao trích lục hộ tịch.	4
91.	91	Văn hóa	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”;	4
92.	92		Công nhận “Bản văn hóa”.	4
93.	93		Công nhận “Tiểu khu văn hóa”.	4

94.	94	Thông tin và Truyền thông	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ Photocopy;	4
95.	95		Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ Photocopy.	4
96.	96		Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.	4
97.	97		Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.	4
98.	98		Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.	4
99.	99		Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	4
100.	100	Dân tộc	Công nhận người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	4
101.	101		Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	4